

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT



TIÊU CHUẨN 2

TIÊU CHÍ 2.2

Minh chứng: H2.02.02.03

Tên minh chứng: Thông báo Cập nhật đề cương chi tiết học phần

CÁC TÀI LIỆU TRONG MINH CHỨNG

TT	Tên tài liệu (tên văn bản/báo cáo/bảng biểu...)	Trang
1.	Thông báo Hoàn thiện đề cương chi tiết học phần	1
2.	Hướng dẫn cập nhật đề cương	2
3.	Thông báo cập nhật đề cương chi tiết học phần	3

Số: **605** /TB-MĐC

Hà Nội, ngày **14** tháng **12** năm 2018

THÔNG BÁO
Về việc hoàn thiện đề cương chi tiết chương trình đào tạo 4 năm

Kính gửi:

- Ban chủ nhiệm các Khoa;
- Ban chủ nhiệm các bộ môn.

Tiếp theo công văn số 358/TB-MĐC ngày 09/7/2018 về việc hoàn thiện đề cương chi tiết chương trình đào tạo. Hiện nay vẫn còn một số đơn vị chưa hoàn thành công tác này. Vì vậy Nhà trường yêu cầu các Khoa:

1. Kiểm tra và bổ sung thông tin của học phần trong khoa giảng dạy (**Mẫu 1**)
2. Cập nhật thông tin đề cương chi tiết từng học phần (**Mẫu 2**)
3. Xây dựng bảng so sánh chương trình đào tạo 4 năm với 5 năm đối với từng chuyên ngành (**Mẫu 3**).
4. Chuẩn hóa chuẩn đầu ra cho từng ngành đào tạo (**Mẫu 4**)
5. Nộp phòng Đào tạo Đại học trước 17h00 ngày 20/12/2018 (Bản cứng gửi A. Dũng – phòng C2.02, File mềm gửi về email: nguyenquocdung@humg.edu.vn)

Chú ý:

- Đề cương chi tiết: DC_Mã học phần.docx (Ví dụ: **DC_7010102.docx**)
- Chuẩn đầu ra: CDR_Mã số ngành.docx (Ví dụ: **CDR_7520216.docx**)
- Danh sách các học phần đã được hoàn thiện (không cần gửi lại)/ Danh sách các học phần còn thiếu của các Khoa (Kèm theo).

Đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện đúng thời hạn./.

Nơi nhận: **100**

- Như kính gửi;
- HT (để b/c);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, ĐTDH₍₈₎.

K: HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS.TS *Bùi Xuân Nam*

I. Hướng dẫn cập nhật thông tin chi tiết từng học phần

- File mẫu thao tác: **Mẫu 1**
- Mở file và cập nhật các thông tin vào từng dòng dữ liệu theo từng cột thông tin trong file mẫu có sẵn (Tên học phần tiếng anh, Học phần tiên quyết, học phần trước, học phần song hành, Phân bổ tiết)
- Riêng phần các học phần tiên quyết, song hành, học trước: Mã học phần và tên học phần có thông tin trong file DMMH-ToanTruong.xlsx, Nếu điều kiện là nhiều môn thì nhập lần lượt và ngăn cách giữa các môn bằng ký tự (;)

II. Hướng dẫn cập nhật đề cương chi tiết từng học phần

- File mẫu thao tác: **Mẫu 2**
- Mở file và cập nhật các thông tin vào từng mục theo mẫu
- Riêng phần số tín chỉ học phần lưu ý: đối với học phần 2 tín chỉ học trong 8 tuần, 3 tín chỉ trở lên học trong 16 tuần

III. Hướng dẫn so sánh chương trình đào tạo 4 năm với 5 năm

- File mẫu thao tác: **Mẫu 3**
- Mở file và cập nhật các thông tin vào từng mục theo mẫu
- Khi so sánh 2 chương trình 4 năm và 5 năm của 1 chuyên ngành với nhau sẽ có
 - a. Phần giống nhau, tương đương, thay thế

TT	Chương trình đào tạo 4 năm			Chương trình đào tạo 5 năm		
	Mã môn	Tên môn	Số tín chỉ	Mã môn	Tên môn	Số tín chỉ
2	7010102	Đại số tuyến tính	4	4010101	Đại số	3
3	7010103	Giải tích 1	4	4010102	Giải tích 1	4
4	7010104	Giải tích 2	4	4010103	Giải tích 2	3

- b. Phần có ở CTĐT 4 năm mà không có ở CTĐT 5 năm

TT	Chương trình đào tạo 4 năm			Chương trình đào tạo 5 năm		
	Mã môn	Tên môn	Số tín chỉ	Mã môn	Tên môn	Số tín chỉ
7	7090221	Ngoại ngữ chuyên ngành	3			
8	7090222	Nhập môn điều khiển thông minh	3			
9	7070209	Quản lý dự án công nghiệp	3			
10	7090224	SCADA	3			
11	7090225	Thực tập chuyên ngành	2			

- c. Phần có ở CTĐT 5 năm mà không có ở CTĐT 4 năm

TT	Chương trình đào tạo 4 năm			Chương trình đào tạo 5 năm		
	Mã môn	Tên môn	Số tín chỉ	Mã môn	Tên môn	Số tín chỉ
				4090107	An toàn điện	2
				4090125	Nhà máy điện	2
				4090126	Cơ sở cung cấp điện	2
				4090224	Phương pháp lập trình CNC	2

IV. Hướng dẫn cập nhật thông tin chuẩn đầu ra từng ngành

- File mẫu thao tác: **Mẫu 4**
- Mở file và cập nhật các thông tin vào từng mục theo mẫu
- Lưu ý: Mã số ngành có trong quyết định ban hành chương trình đào tạo số 830 ngày 29/6/2018

Số: **275**TB-MĐC

Hà Nội, ngày 04 tháng 06 năm 2021

THÔNG BÁO
Cập nhật đề cương chi tiết học phần

Căn cứ thông báo số **274**TB-MĐC ngày 04 tháng 06 năm 2021 về việc kiểm tra tiến độ xây dựng chương trình đào tạo các ngành, chuyên ngành

Nhà trường đề nghị các đơn vị:

1. Các Khoa, bộ môn chuyên môn có liên quan:

a. Chủ động trao đổi chuẩn đầu ra của ngành, thống nhất xây dựng chuẩn đầu ra các học phần phù hợp với chuẩn đầu ra ngành đào tạo tương ứng và cụ thể hóa trong đề cương chi tiết (mẫu kèm theo);

b. Rà soát điều chỉnh, bổ sung đề cương chi tiết các học phần của các chương trình đào tạo theo khuyến nghị của đánh giá ngoài CTĐT phục vụ báo cáo đánh giá giữa chu kỳ của Nhà trường và của các CTĐT

2. Khoa Lý luận Chính trị, Khoa Khoa học cơ bản và Khoa Giáo dục Quốc phòng tiến hành cập nhật đề cương chi tiết học phần dùng chung căn cứ các chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo đối với các học phần: (kèm theo).

Thời gian: Trước 17h00 ngày 18/06/2021 với mục 2

Hồ sơ:

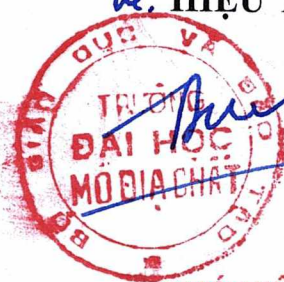
- Bản giấy (Cv: Nguyễn Quốc Dũng – Phòng Đào tạo Đại học - C202)
- File mềm (nguyenquocdung@humg.edu.vn)

Nhận được thông báo này, yêu cầu các đơn vị, cá nhân liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện.

Trân trọng ./.

Nơi nhận: *leat*

- Hiệu trưởng (để b/ cáo);
- P. Hiệu trưởng (để ph/hợp t/dổi, c/ đạo);
- Các đơn vị (để th/ hiện hoặc ph/ hợp);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, ĐTDH.

le. HIỆU TRƯỞNG


PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS Bùi Xuân Nam

DANH SÁCH HỌC PHẦN
(Kèm theo thông báo số /TB-MĐC ngày 04/06/2021)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	7010101	Biến đổi Laplace và ứng dụng	2.00	
2	7010102	Đại số tuyến tính	4.00	
3	7010103	Giải tích 1	4.00	
4	7010104	Giải tích 2	4.00	
5	7010105	Hàm phức	2.00	
6	7010108	Logic đại cương	3.00	
7	7010109	Lý thuyết đồ thị	2.00	
8	7010110	Phương pháp tính	2.00	
9	7010111	Phương pháp tính	3.00	
10	7010112	Phương trình toán lý	2.00	
11	7010113	Phương trình vi phân	2.00	
12	7010114	Toán cao cấp 1	3.00	
13	7010115	Toán cao cấp 2	3.00	
14	7010116	Toán rời rạc	2.00	
15	7010117	Toán tối ưu	2.00	
16	7010118	Toán tối ưu	3.00	
17	7010119	Xác suất thống kê	2.00	
18	7010120	Xác suất thống kê	3.00	
19	7010201	Khoa học vật liệu đại cương	2.00	
20	7010202	Thí nghiệm vật lý 1	1.00	
21	7010203	Vật lý đại cương 2	3.00	
22	7010204	Vật lý đại cương 1	4.00	
23	7010206	Vật lý đại cương A3	2.00	
24	7010301	Cân bằng pha và hóa keo + TN	3.00	
25	7010302	Cân bằng pha và hóa keo + TN	4.00	
26	7010303	Hóa đại cương phần 2	2.00	
27	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3.00	
28	7010305	Hóa học môi trường 1	2.00	
29	7010306	Hoá học vô cơ phần 1 + TN	3.00	
30	7010307	Hoá hữu cơ phần 1	2.00	
31	7010308	Hóa phân tích phần 1+ TN	3.00	
32	7010311	Cân bằng pha và hóa keo	2.00	
33	7010312	Hóa phân tích 2	2.00	
34	7010401	Autocad + TH	2.00	
35	7010402	Hình họa và vẽ kỹ thuật	2.00	
36	7010403	Hình họa và vẽ kỹ thuật + BTL	3.00	
37	7010404	Hình học họa hình	2.00	
38	7010405	Vẽ kỹ thuật và autocad + BTL	3.00	
39	7010406	Vẽ kỹ thuật xây dựng	2.00	
40	7010407	Vẽ kỹ thuật xây dựng	3.00	



41	7010501	Cơ học chất lỏng	2.00	
42	7010502	Cơ học kỹ thuật	2.00	
43	7010503	Cơ học ứng dụng	3.00	
44	7010504	Cơ lý thuyết	2.00	
45	7010505	Cơ lý thuyết 1	3.00	
46	7010506	Cơ lý thuyết 2	3.00	
47	7010601	Tiếng Anh 1	3.00	
48	7010602	Tiếng Anh 2	3.00	
49	7010603	Tiếng Anh 3	2.00	
50	7010604	Tiếng Anh 4	2.00	
51	7010605	Tiếng Hàn	3.00	
52	7010606	Tiếng nhật	3.00	
53	7010610	Tiếng Anh tăng cường 1	3.00	
54	7010611	Tiếng Anh tăng cường 2	3.00	
55	7010701	Giáo dục thể chất 1	1.00	
56	7010702	Giáo dục thể chất 2	1.00	
57	7010703	Giáo dục thể chất 3	1.00	
58	7020101	Lịch sử triết học	2.00	
59	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2.00	
60	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3.00	
61	7020104	Pháp luật đại cương	2.00	
62	7020105	Triết học Mác - Lênin	3.00	
63	7020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.00	
64	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.00	
65	7020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3.00	
66	7020302	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.00	
67	7020303	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.00	
68	7300103	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng CSVN	2.00	
69	7300104	Công tác quốc phòng và an ninh	2.00	
70	7300202	Quân sự chung	3.00	
71	7300203	Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và chiến thuật	4.00	

